

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC,
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/DS-ST

Ngày: 10-6-2022

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Xuân An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Huy

Ông Trần Văn Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tô Cẩm Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Hoa – Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Bị đơn:

1. Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1995;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

2. Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Văn Thị M, sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ông K, bà M, chị H có mặt; anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn – ông Nguyễn Văn K trình bày: Ông là cha ruột của anh Nguyễn Chí T, anh Nguyễn Chí T và chị Trần Thị Mỹ H từng là vợ chồng, ly

hôn vào năm 2021. Năm 2020, mẹ ruột của chị H có cho chị H một phần đất để cất nhà ở. Trong thời gian xây nhà, vợ chồng ông có cho vợ chồng H -T số tiền 100.000.000 đồng, đưa 02 lần. Lần đầu, vợ ông là Văn Thị M đưa trực tiếp cho chị H số tiền 50.000.000 đồng. Lần thứ hai, sau khi xây nhà xong, vợ chồng ông có nghe H -T còn nợ Ngân hàng 50.000.000 đồng, nên có cho thêm 50.000.000 đồng để trả nợ. Việc giao nhận tiền không lập văn bản. Lúc vợ chồng T-H còn chung sống, vì lo cho con, bên sui gia đã cho tiền mua đất, nên vợ chồng ông mới cho 100.000.000 đồng để phụ cất nhà ở. Nay vợ chồng H-T đã ly hôn, T không tranh chấp tài sản với chị H, chị H đang quản lý sử dụng căn nhà, T không được ở căn nhà đã cất, nên ông yêu cầu cá nhân chị H phải có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng ông số tiền 100.000.000 đồng.

Khi nộp đơn khởi kiện, ông yêu cầu anh T, chị H cùng có trách nhiệm trả lại cho ông số tiền là 100.000.000 đồng. Nay ông xác định lại yêu cầu khởi kiện, ông chỉ yêu cầu cá nhân chị Trần Thị Mỹ H trả lại cho vợ chồng ông số tiền là 100.000.000 đồng, vì T không sử dụng gì trong số tiền này.

Bị đơn – chị Trần Thị Mỹ H trình bày: Trong thời gian chị và anh T còn là vợ chồng, cha mẹ của anh T là ông Nguyễn Văn K và bà Văn Thị M có cho chị và anh T tổng số tiền là 100.000.000 đồng, trong đó 50.000.000 đồng đưa lần đầu để chị lo nợ nần cho anh T, và 50.000.000 đồng cho hai vợ chồng sau khi cất nhà xong. Số tiền 100.000.000 đồng này là của ông K, bà M cho chị và anh T, chị và anh T không vay mượn tiền của ông K và bà M. Toàn bộ số tiền này sử dụng vào việc trả nợ cho anh T và chi tiêu các khoản khác trong gia đình. Khoảng tháng 6 năm 2021, chị và anh T ly hôn. Sau khi ly hôn, vì tình nghĩa vợ chồng trước đây với anh T, chị đã có thương lượng với ông K, bà M sẽ đưa lại số tiền 100.000.000 đồng này nhưng đưa dần mỗi tháng 2 triệu đồng, nhưng ông K, bà M không đồng ý. Nay ông K khởi kiện yêu cầu chị trả lại số tiền 100.000.000 đồng, chị không đồng ý trả số tiền trên cho ông K, bà M, vì số tiền này ông K, bà M đã cho vợ chồng chị, không phải là tiền vay mượn.

Chị và anh T cất nhà xong tháng 4 năm 2020, đến tháng 11 năm 2020 thì anh T đi trốn nợ, đến tháng 6 năm 2021 thì vợ chồng chính thức ly hôn. Về việc xây dựng nhà, chị trình bày rõ như sau: Sau khi kết hôn, chị và anh T ở nhà trọ, đến năm 2020 mẹ ruột của chị có mua đất, cất nhiều căn nhà với mục đích nếu sau này được giá sẽ bán. Nên mẹ chị có kêu chị và anh T về ở chứ mẹ không có nói cất nhà cho chị và anh T. Khi ly hôn, chị và anh T cũng không có tài sản chung, chỉ có 02 chiếc xe và các vật dụng trong gia đình, chị và anh T không tranh chấp gì đối với các tài sản này.

Bị đơn – anh Nguyễn Chí T trình bày: Cha mẹ của anh là ông K và bà M có cho vợ chồng anh và chị H số tiền là 100.000.000 đồng, trong đó 50.000.000 đồng đưa cho chị H, anh có biết nhưng không có mặt lúc giao nhận tiền; và sau khi cất nhà xong, mẹ anh có cho thêm 50.000.000 đồng, lúc đó có mặt anh và chị H. Số tiền này sử dụng vào việc trả nợ, tiêu xài và mua các vật dụng trong gia đình như chị H trình bày. Khi ly hôn, anh giao con cho chị H, vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Văn Thị M trình bày: Bà đồng ý với lời trình bày của ông K. Số tiền 100.000.000 đồng này do bà trực tiếp đưa cho vợ chồng T-H, do chị H trực tiếp nhận. Số tiền này vợ chồng bà đưa cho vợ chồng T-H trong thời gian cất nhà bên mẹ ruột của H. Nhưng chỉ được vài tháng sau khi cất nhà, vợ chồng H ly hôn, T để lại toàn bộ tài sản cho H, T không được hưởng gì trong số tiền 100.000.000 đồng vợ chồng bà đã cho, phía bà sui lấy lại tài sản đã cho, thì vợ chồng bà cũng lấy lại tài sản đã cho là 100.000.000 đồng. Lúc vợ chồng T – H còn sống chung, mẹ ruột của H có nói cho đất vợ chồng H cất nhà, nên vợ chồng bà mới cho 100.000.000 đồng để phụ cất nhà, trả tiền vật tư, tiền Ngân hàng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, về thời hạn giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu chưa đảm bảo.

Căn cứ Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K về việc yêu cầu anh T trả số tiền 100.000.000 đồng.

Về nội dung: Giao dịch giữa ông K, bà M và chị H, anh T là hợp đồng tặng cho tài sản theo quy định tại Điều 457 Bộ luật Dân sự. Hợp đồng tặng cho tài sản này có hiệu lực từ thời điểm ông K, bà M giao tài sản cho chị H và anh T, hợp đồng này không kèm theo bất kì điều kiện nào. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Dân sự, từ thời điểm ông K chuyển giao tài sản cho chị H và anh T thì quyền sở hữu của ông K đối với số tiền 100.000.000 đồng đã chấm dứt. Do đó, ông K không có quyền đòi lại tài sản đã tặng cho, yêu cầu khởi kiện của ông K là không có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của đương sự và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Tân Tập, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn – anh Nguyễn Chí T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông K thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh T cùng chị H trả lại số tiền 100.000.000 đồng, chỉ yêu cầu cá nhân

chị H chịu trách nhiệm này nên căn cứ Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của ông K.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Văn K khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị Mỹ H có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng ông số tiền 100.000.000 đồng. Số tiền này vợ chồng ông K cho vợ chồng Trần Thị Mỹ H, Nguyễn Chí T vào năm 2020 khi vợ chồng H và T xây nhà riêng. Nay H và T đã ly hôn, H đang quản lý sử dụng căn nhà trên, T không được hưởng gì trong phần tài sản vợ chồng ông đã cho nên ông K khởi kiện yêu cầu cá nhân chị H có trách nhiệm trả lại số tiền nêu trên. Chị Trần Thị Mỹ H và anh Nguyễn Chí T xác định, năm 2020 ông Nguyễn Văn K và bà Văn Thị M có cho anh chị số tiền 100.000.000 đồng, số tiền này anh chị đã chi tiêu hết. Với yêu cầu khởi kiện của ông K, chị H không đồng ý vì số tiền trên ông K và bà M tự nguyện cho vợ chồng chị, không phải tiền vay mượn.

Qua đó có cơ sở xác định 100.000.000 đồng là số tiền mà ông Nguyễn Văn K và bà Văn Thị M đã tặng cho chị Trần Thị Mỹ H và anh Nguyễn Chí T vào năm 2020 khi chị H và anh T còn là vợ chồng, việc tặng cho này không lập thành văn bản, đồng thời cũng không thỏa thuận điều kiện kèm theo. Căn cứ các điều 161, 221, 223, 457, 458 Bộ luật Dân sự, quyền sở hữu đối với số tiền 100.000.000 đồng nêu trên đã chuyển từ ông K, bà M sang chị H và anh T kể từ thời điểm chị H và anh T nhận tiền, nên chị H và anh T có toàn quyền thực hiện các quyền của chủ sở hữu đối với số tiền 100.000.000 đồng này. Tại Khoản 3 Điều 462 Bộ luật Dân sự quy định “Trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ sau khi tặng cho mà bên được tặng cho không thực hiện thì bên tặng cho có quyền đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại”. Xét giao dịch giữa ông K, bà M và chị H, anh T là tặng cho không có điều kiện, đồng nghĩa với việc không phát sinh nghĩa vụ của chị H, anh T đối với ông K, bà M sau khi nhận số tiền 100.000.000 đồng, nên ông K không có quyền đòi lại tài sản đã tặng cho chị H và anh T. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của ông K là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, do yêu cầu khởi kiện của ông K không được chấp nhận nên ông K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 161, 221, 223, 457, 458 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K về việc yêu cầu anh Nguyễn Chí T (cùng với chị H) trả lại số tiền 100.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K về việc yêu cầu chị Trần Thị Mỹ H trả lại số tiền 100.000.000 đồng.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn K phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0013396 ngày 26-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, ông K phải nộp thêm 2.500.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyễn Xuân An